

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nhung

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Duy Thuận, ông Trần Minh Quang

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trương Thị Mai Anh - Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*** Ông Vũ Đình Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án Nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 112/2026/TLPT-HS, ngày 12/5/2026 đối với bị cáo Nguyễn Thanh T về tội “*Cố ý gây thương tích*” do có kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị C đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2026/HS-ST ngày 24/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 15 - Đắk Lắk.

Bị cáo bị kháng cáo: **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1974, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn A, xã Đ, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quốc D, sinh năm 1940 và bà Lê Thị H, sinh năm 1945; có vợ: Trần Thị C1, sinh năm 1977; con: Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đang tại ngoại; vắng tại phiên tòa.

- *Bị hại có kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1945; nơi cư trú: thôn A, xã Đ, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại:* Ông Đinh Phước H1 – Luật sư Công ty L – Đoàn luật sư thành phố H; có mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị hại:* Bà Trần Thị Tuyết N, sinh năm 1970; địa chỉ: thôn A, xã Đ, tỉnh Đắk Lắk (theo Giấy ủy quyền lập ngày 23/9/2025); có mặt.

- *Những người làm chứng:*

+ Bà Trần Thị Phương T1, sinh năm 1972; nơi cư trú: thôn A, xã Đ, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

+ Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1961; nơi cư trú: thôn A, xã Đ, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

+ Bà Lê Thị H, sinh năm 1945; nơi cư trú: thôn A, xã Đ, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn Ú, sinh năm 1990; nơi cư trú: thôn A, xã Đ, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

+ Anh Đào Tấn H2, sinh năm 1996; địa chỉ: thôn M, xã P, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trước đó, giữa gia đình Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị C có mâu thuẫn với nhau. Khoảng 12 giờ 00 phút, ngày 08/6/2025, Nguyễn Thanh T đem xẻng, xà beng đến đào khơi mương thoát nước công cộng trước nhà bà Nguyễn Thị C, bà C ra ngăn cản thì giữa bà C và T xảy ra cãi vã, xô xát, T dùng tay đè lên người bà C xuống mương thoát nước, bà C dùng tay tát nước dưới mương vào người T và dùng chân đạp trúng chân T, T bực tức nên dùng tay đè đầu bà C hướng xuống mương thoát nước và dùng tay đánh vào mặt bà C, khi bà C đứng dậy, T nhặt vỏ gáo dừa khô ở gần đó đánh trúng vào vai, vào vùng chân mày phải bà C gây thương tích, T tiếp tục dùng vai hất bà C ngã vào hàng rào. T lấy xà beng, xẻng đưa lên xe định bỏ đi thì bà C đến kéo xe T lại làm rớt xẻng xuống đất, T bước xuống chân dẫm trúng mũi xẻng nên trượt ngã chúi người tới trước, đầu T va trúng trụ bê tông hàng rào lưới B40 gần đó gây thương tích ở vùng trán bên phải, T đứng dậy đuổi đánh bà C nên bà C chạy vào trong sân nhà ông Nguyễn Văn Q kéo cửa cổng bằng sắt để trốn, T đuổi theo dùng chân đạp vào cửa cổng làm cánh cửa cổng bằng sắt bị ngã đè trúng vào đầu, người bà C gây thương tích. T thấy vậy nên bỏ đi, bà C được người nhà đưa đi cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh P (cũ).

Bản giám định pháp y về thương tích số 10/KLTTCT-PY02 ngày 01/8/2025 của Trung tâm pháp y tỉnh Đ kết luận: Nguyễn Thị C bị tác động bởi vật tày, vật có cạnh sắc gây nên thương tích 07%.

Bản giám định pháp y về thương tích số 57/KLTTCT-PY02 ngày 23/8/2025 của Trung tâm pháp y tỉnh Đ kết luận: Nguyễn Thanh T bị tác động bởi vật có cạnh sắc gây nên thương tích 06%.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Nguyễn Thị C yêu cầu bị cáo bồi thường tổng các khoản chi phí 87.772.000đ. Bị cáo đã bồi thường 15.000.000đ, nên bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường đủ số tiền còn lại.

**Tại bản án hình sự sơ thẩm số 08/2026/HSST, ngày 24/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 15 - Đắk Lắk đã quyết định:**

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thanh T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

1. Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 134, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 52 của Bộ luật hình sự, khoản 4, 6 và 10 Điều 4 của Nghị quyết 04/2025/NQ9-HĐTP ngày 30/9/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “*Hướng dẫn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 và Điều 52 của Bộ luật hình sự*”;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thanh T 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (24/3/2026).

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 586 và Điều 590 của Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thanh T phải tiếp

tục bồi thường cho bị hại bà Nguyễn Thị C số tiền 11.292.000đ về khoản thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/4/2026, bị hại Nguyễn Thị C kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại tính chất, mức độ hành vi của bị cáo đã gây thương tích cho bị hại; xem xét lại phân trách nhiệm dân sự.

Ngày 12/4/2026, bà C kháng cáo bổ sung đề nghị hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại, không chấp nhận cho bị cáo hưởng án treo và xem xét lại phân trách nhiệm dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị hại vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo và khẳng định bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 15 – Đắk Lắk xét xử bị cáo Nguyễn Thanh T về tội: “Cố ý gây thương tích” theo điểm a, c khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo và xử phạt bị cáo 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo là phù hợp, tương xứng với tính chất mức độ hậu quả do hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra.

Về trách nhiệm dân sự: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các khoản chi phí hợp lý có căn cứ chứng minh và buộc bị cáo bồi thường 26.292.000đ, bị cáo đã bồi thường 15.000.000đ, buộc bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền 11.292.000đ cho bị hại là phù hợp.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị C - Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm 08/2026/HS-ST ngày 24/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 15 - Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

#### **[1] Về tố tụng:**

Xét thấy bị cáo đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Việc bị cáo vắng mặt không gây trở ngại cho việc xem xét nội dung kháng cáo của bị hại, đồng thời không thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt bị cáo.

**[2].** Lời khai nhận tội của bị cáo tại giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ căn cứ pháp lý để kết luận: Trước đó, giữa gia đình Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị C có mâu thuẫn với nhau. Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 08/6/2025, tại thôn A, xã Đ, tỉnh Đắk Lắk, Nguyễn Thanh T đã có hành vi dùng tay, chân, vỏ gáo dừa khô bị vỡ là hung khí nguy hiểm đánh trúng chân phải và dùng chân

đạp vào cánh cửa cổng bằng sắt đè vào đầu, người của bà Nguyễn Thị C gây thương tích với tỷ lệ 07% nên đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Thanh T về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a, c khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

**[3].** Xét kháng cáo đề nghị xem xét lại trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với kháng cáo cho rằng bị cáo cố tình thực hiện hành vi phạm tội đến cùng và phạm tội đối với người không có khả năng tự vệ để áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm d, e và i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, thì thấy giữa bị cáo và bị hại đã có mâu thuẫn từ trước; hành vi phạm tội xảy ra bộc phát trong quá trình cãi vã, xô xát, bị cáo không sử dụng công cụ, phương tiện nguy hiểm khác để tiếp tục tấn công bị hại, đồng thời khi cánh cổng sắt ngã đè lên người bị hại thì bị cáo đã bỏ đi. Mặt khác, tình tiết phạm tội đối với người già yếu đã được sử dụng làm dấu hiệu định tội theo điểm c khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự nên không được tiếp tục sử dụng làm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Do đó, không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo của bị hại về áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét thấy, Bị cáo có hành vi dùng tay, chân và vỏ gáo dừa khô là hung khí nguy hiểm gây thương tích cho bị hại Nguyễn Thị C với tỷ lệ tổn thương cơ thể 07%, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã cố ý xâm phạm đến sức khỏe của người bị hại trái pháp luật mà còn gây mất trật tự trị an ở địa phương, thể hiện tính xem thường pháp luật. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã tự nguyện bồi thường trước cho bị hại số tiền 15.000.000 đồng. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đồng thời bảo đảm tính giáo dục, phòng ngừa chung.

Đối với yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để xem xét trách nhiệm hình sự của bị cáo về tội danh khác, Hội đồng xét xử thấy rằng toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án chỉ đủ căn cứ xác định bị cáo có hành vi cố ý gây thương tích cho bị hại với tỷ lệ tổn thương cơ thể 07%; không có căn cứ xác định bị cáo có ý thức tước đoạt tính mạng của bị hại. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo yêu cầu hủy án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại.

**[4]** Xét kháng cáo đề nghị xem xét lại trách nhiệm dân sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo đơn kháng cáo bổ sung, bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường tổng số tiền 51.409.000 đồng, sau khi khấu trừ số tiền 15.000.000 đồng đã nhận thì yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường 36.409.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quy định tại Điều 590 Bộ luật Dân sự để chấp nhận các khoản chi phí hợp lý gồm chi phí điều trị, tiền thuốc, chi phí đi lại

phục vụ cấp cứu, điều trị và giám định, chi phí người chăm sóc, tiền bồi dưỡng sức khỏe, chi phí mua tã lót và đồ dùng cá nhân, tiền bù đắp tổn thất tinh thần với tổng số tiền 26.292.000 đồng; sau khi khấu trừ số tiền 15.000.000 đồng bị cáo đã tự nguyện bồi thường, buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền 11.292.000 đồng là có căn cứ.

Đối với khoản tiền xe 4.400.000 đồng, cấp sơ thẩm đã xem xét và chấp nhận số tiền 3.500.000 đồng là trong phạm vi chi phí hợp lý có căn cứ chứng minh. Đối với khoản tiền thuê vật dụng cá nhân, tã lót cho người bệnh 1.500.000 đồng, tiền công người chăm sóc người bệnh trong thời gian điều trị, cấp sơ thẩm đã chấp nhận phù hợp với thời gian điều trị thực tế của bị hại.

Đối với khoản tiền bồi dưỡng gồm sữa, nước yến trong thời gian điều trị và tiền bồi dưỡng sức khỏe sau điều trị theo mức 300.000 đồng/ngày như bị hại yêu cầu, xét thấy bị hại không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh các khoản chi phí thực tế đã phát sinh; đồng thời mức yêu cầu vượt quá nhu cầu điều trị, phục hồi sức khỏe thông thường đối với thương tích mà bị hại phải gánh chịu nên cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận một phần là phù hợp.

Đối với khoản tiền mất thu nhập của người chăm sóc người bệnh 5.400.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng theo quy định tại Điều 590 Bộ luật Dân sự, chỉ được bồi thường phần thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc. Tuy nhiên, bị hại không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh người chăm sóc có nghề nghiệp, mức thu nhập ổn định hoặc thực tế bị mất khoản thu nhập như yêu cầu. Vì vậy, cấp sơ thẩm chỉ xem xét khoản chi phí chăm sóc hợp lý trong thời gian điều trị thực tế là phù hợp.

Đối với khoản tiền bồi dưỡng sức khỏe sau điều trị 9.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng đây là khoản chi phí do bị hại tự xác định theo mức 300.000 đồng/ngày trong 30 ngày. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, chấp nhận khoản chi phí chăm sóc hợp lý tương ứng với thời gian điều trị thực tế; yêu cầu bồi thường cao hơn của bị hại không có căn cứ chứng minh nên không được chấp nhận.

Đối với yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần tương đương 10 tháng lương cơ sở, xét tỷ lệ tổn thương cơ thể của bị hại là 07%, thời gian điều trị và hậu quả thực tế của vụ việc, cấp sơ thẩm chấp nhận khoản bù đắp tổn thất tinh thần tương đương 04 tháng lương cơ sở là phù hợp, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại. Tại giai đoạn phúc thẩm, bị hại không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới làm căn cứ chấp nhận các khoản yêu cầu bồi thường vượt quá mức mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị hại về việc hủy bản án sơ thẩm, tăng trách nhiệm hình sự và tăng mức bồi thường trách nhiệm dân sự.

**[5]** Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1] Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị C - Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm 08/2026/HS-ST ngày 24/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 15 - Đắk Lắk.

[2] Về tội danh, điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thanh T** phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 52 và Điều 65 Bộ luật hình sự; khoản 4, 6 và 10 Điều 4 của Nghị quyết 04/2025/NQ9-HĐTP ngày 30/9/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “*Hướng dẫn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 và Điều 52 của Bộ luật hình sự*”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thanh T 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (24/3/2026).

Giao bị cáo Nguyễn Thanh T cho Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Đắk Lắk để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp, bị cáo Nguyễn Thanh T thay đổi nơi cư trú trong thời gian thử thách thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 và Điều 68 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người bị kết án Nguyễn Thanh T cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người bị kết án phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 586 và Điều 590 của Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh T phải tiếp tục bồi thường cho bị hại bà Nguyễn Thị C số tiền 11.292.000đ.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người có nghĩa vụ thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ của mình thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 cái gáo dừa khô, bị vỡ làm đôi, đường kính 13cm (*Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/02/2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Phòng thi hành án dân sự Khu vực 15 – Đắk Lắk*).

**[3] Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Thanh T phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và 565.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản)
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Đắk Lắk;
- TAND khu vực 15 - Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 15 – Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 15 – Đắk Lắk;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Những người TGT;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Nhung**